

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH HUNG YÊN**

Số: *13* /2015/QĐ-UBND

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Hung Yên, ngày 20 tháng 7 năm 2015

QUYẾT ĐỊNH
Về việc ban hành Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HUNG YÊN

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26/11/2003;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 03/12/2004;

Căn cứ Luật Thi đua, Khen thưởng ngày 26/11/2003 và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, 2013;

Căn cứ các Nghị định: Số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012; số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2003 và các Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng năm 2005, 2013;

Căn cứ Thông tư số 07/2014/TT-BNV ngày 29/8/2014 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thi hành một số điều của các Nghị định: Số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010; số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 và số 65/2014/NĐ-CP ngày 01/7/2014 của Chính phủ;

Xét đề nghị của Sở Nội vụ tại Tờ trình số 105/TTr- SNV ngày 25/02/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

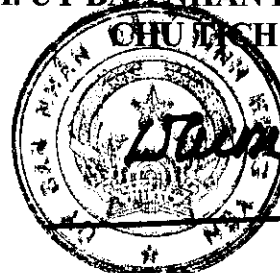
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 1967/QĐ-UBND ngày 18/11/2011 của UBND tỉnh về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên. Các quy định trước đây trái với quy định tại Quyết định này đều bãi bỏ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố và các Trưởng Khối thi đua thuộc tỉnh căn cứ Quyết định thi hành./. *a/*

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Ban TĐKT Trung ương (đề b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các thành viên Hội đồng TĐKT tỉnh;
- Sở Nội vụ (Ban TĐKT);
- CV: TĐKT^D;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH



Doãn Thế Cường

W

Qm574

QUY CHẾ

Về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên
(Ban hành kèm theo Quyết định số 13./2015/QĐ-UBND ngày 20 tháng 7 năm 2015
của UBND tỉnh Hưng Yên)

**Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy chế này quy định cụ thể về công tác thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên, gồm: Nguyên tắc thi đua, khen thưởng; nội dung và hình thức tổ chức phong trào thi đua; tiêu chuẩn các phong trào thi đua; các hình thức, đối tượng, tiêu chuẩn khen thưởng; quy định về hồ sơ, thủ tục đề nghị khen thưởng; tuyên trình khen thưởng; thông báo kết quả khen thưởng; lưu trữ hồ sơ khen thưởng; sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng; quyền và nghĩa vụ của cá nhân, tập thể được khen thưởng; hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ quyết định khen thưởng; hành vi vi phạm; khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại, tố cáo về thi đua, khen thưởng.

2. Các nội dung về thi đua, khen thưởng không quy định trong văn bản này thì được thực hiện theo Luật Thi đua, Khen thưởng và các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Đối tượng thi đua:

a) Các cá nhân, hộ gia đình, các tổ chức tôn giáo; người nước ngoài, người Việt Nam ở nước ngoài sinh sống, làm việc, học tập hợp pháp trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

b) Các cơ quan Đảng, cơ quan Nhà nước, Mặt trận tổ quốc, các đoàn thể, tổ chức chính trị- xã hội, đơn vị sự nghiệp, tổ chức xã hội- nghề nghiệp, đơn vị lực lượng vũ trang, các tổ chức kinh tế (kể cả tổ chức nước ngoài) đóng trên địa bàn tỉnh Hưng Yên.

2. Đối tượng khen thưởng:

Các đối tượng quy định tại Khoản 1, Điều 2 của Quy chế này tự nguyện thi đua, đạt thành tích xuất sắc có công lao đóng góp cho việc phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Điều 3. Nguyên tắc thi đua, khen thưởng

1. Nguyên tắc thi đua:

Tự nguyện, tự giác, công khai; đoàn kết, hợp tác và cùng phát triển. Việc xét tặng danh hiệu thi đua phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, xác định mục tiêu, chỉ tiêu thi đua. Không đăng ký thi đua sẽ không được xem xét, công nhận các danh hiệu thi đua.

2. Nguyên tắc khen thưởng:

a) Thành tích đạt được trong điều kiện khó khăn và có phạm vi ảnh hưởng lớn được khen thưởng mức cao hơn. Chú trọng khen thưởng cá nhân là người trực tiếp lao động, công tác, chiến đấu (công nhân, nông dân, chiến sĩ) và cá nhân có nhiều sáng tạo trong lao động, công tác.

b) Khi xét khen thưởng người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phải căn cứ vào thành tích của tập thể do cá nhân đó lãnh đạo.

c) Đối với nữ là lãnh đạo, quản lý, thời gian giữ chức vụ để xét khen thưởng quá trình cống hiến được giảm 03 năm so với quy định chung.

Trường hợp khi có nhiều cá nhân, tập thể cùng đủ điều kiện, tiêu chuẩn thì lựa chọn các cá nhân là nữ và tập thể có tỷ lệ nữ từ 70% trở lên để xét khen thưởng.

d) Thời gian để đề nghị khen thưởng cho lần tiếp theo được tính từ khi có quyết định khen thưởng lần trước.

e) Đối với cá nhân trong một năm chỉ đề nghị một hình thức khen thưởng cấp Nhà nước hoặc danh hiệu “Chiến sỹ thi đua toàn quốc”.

Điều 4. Đăng ký thi đua, đề nghị khen thưởng

Phải căn cứ vào phong trào thi đua, đăng ký thi đua, mục tiêu, chỉ tiêu thi đua; phạm vi, mức độ ảnh hưởng của thành tích trong cộng đồng, trên từng lĩnh vực đời sống xã hội, điều kiện hoàn cảnh cụ thể lập được thành tích, để bình xét, lựa chọn kịp thời, công khai và quyết định đề nghị các danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng.

1. Thời gian đăng ký thi đua: Các cơ quan, đơn vị, địa phương; Khối thi đua đăng ký thi đua ngay sau khi kết thúc năm về Thường trực Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh (Ban Thi đua Khen thưởng) trước ngày 28/02 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo trước ngày 30/10 hàng năm.

2. Thời gian tiến hành bình xét danh hiệu thi đua thường xuyên của đơn vị vào dịp tổng kết năm trước ngày 31/12 hàng năm. Riêng ngành Giáo dục và Đào tạo bình xét sau khi kết thúc năm học.

3. Thời gian bình xét thi đua theo đợt (thi đua theo chuyên đề) được tiến hành sau khi kết thúc thời gian đã định khi phát động phong trào thi đua.

Chương II

THI ĐUA VÀ DANH HIỆU THI ĐUA

Điều 5. Hình thức tổ chức phong trào thi đua

1. Thi đua thường xuyên: Là hình thức thi đua căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được giao của tập thể, cá nhân để tổ chức phát động, nhằm thực hiện tốt công việc hàng ngày, hàng tháng, hàng quý, hàng năm của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Đối tượng thi đua thường xuyên là các cá nhân trong một tập thể, các tập thể trong cùng một cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc giữa các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ, tính chất công việc tương đồng.

Việc tổ chức phong trào thi đua thường xuyên phải xác định rõ mục đích, yêu cầu, mục tiêu, các chỉ tiêu cụ thể và được triển khai thực hiện tại cơ quan, tổ chức, đơn vị hoặc theo cụm, khối thi đua để phát động phong trào thi đua, ký kết giao ước thi đua. Kết thúc năm công tác, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị, trưởng các cụm, khối thi đua tiến hành tổng kết và bình xét các danh hiệu thi đua.

2. Thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt): Là hình thức thi đua nhằm thực hiện tốt nhiệm vụ trọng tâm được xác định trong khoảng thời gian nhất định hoặc tổ chức thi đua để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ đột xuất, cấp bách của cơ quan, tổ chức, đơn vị. Cơ quan, tổ chức, đơn vị chỉ phát động thi đua theo chuyên đề (hoặc theo đợt) khi đã xác định rõ mục đích, yêu cầu, chỉ tiêu, nội dung, giải pháp và thời gian.

Thi đua theo chuyên đề tổ chức trong phạm vi của tỉnh, khi tiến hành sơ kết, tổng kết, lãnh đạo UBND tỉnh khen thưởng theo thẩm quyền. Trường hợp tổ chức trong phạm vi cả nước, khi sơ kết, tổng kết phong trào thi đua từ 03 năm trở lên, lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích xuất sắc đề nghị Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen; từ 05 năm trở lên lựa chọn tập thể, cá nhân có thành tích đặc biệt xuất sắc đề nghị Chủ tịch Nước xét tặng Huân chương Lao động hoặc Huân chương Bảo vệ Tổ quốc.

3. Không xét khen thưởng cấp Nhà nước (Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, Huân chương) cho các tập thể hoặc cá nhân khi bộ, ban, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương khi sơ kết, tổng kết việc thực hiện Luật, Pháp lệnh, Nghị định hoặc phục vụ hội thảo, hội nghị, diễn đàn.

Điều 6. Nội dung tổ chức phong trào thi đua

1. Xác định rõ mục tiêu, phạm vi, đối tượng thi đua, trên cơ sở đó đề ra các chỉ tiêu và nội dung thi đua cụ thể. Việc xác định nội dung và chỉ tiêu thi đua phải đảm bảo khoa học, phù hợp với thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương và có tính khả thi.

2. Căn cứ vào đặc điểm, tính chất công tác, lao động, nghề nghiệp, phạm vi và đối tượng tham gia thi đua để có hình thức tổ chức phát động thi đua, coi trọng việc tuyên truyền về nội dung và ý nghĩa của đợt thi đua, phát huy tinh thần trách nhiệm, ý thức tự giác của quần chúng, đa dạng hoá các hình thức phát động thi đua; chống mọi biểu hiện phô trương, hình thức trong thi đua.

3. Triển khai các biện pháp tổ chức vận động thi đua, theo dõi quá trình tổ chức thi đua, tổ chức chỉ đạo điểm để rút kinh nghiệm và phổ biến các kinh nghiệm tốt trong các đối tượng tham gia thi đua.

4. Căn cứ vào nội dung, chỉ tiêu của phong trào thi đua để xây dựng các tiêu chí đánh giá phù hợp với thực tế và để làm căn cứ bình xét thi đua, khen thưởng trong các kỳ sơ kết, tổng kết.

5. Trong quá trình tổ chức thực hiện chú trọng công tác chỉ đạo điểm, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra. Nâng cao trách nhiệm, vai trò của người đứng đầu trong việc phát hiện, xây dựng, bồi dưỡng, tuyên truyền, nhân rộng điển hình tiên tiến, nhân tố mới, cách làm hay trong phong trào thi đua. Việc phát hiện điển hình tiên tiến là nhiệm vụ trọng tâm trong tổ chức các phong trào thi đua.

6. Sơ kết, tổng kết phong trào thi đua:

a) Đối với phong trào thi đua dài ngày, phải tổ chức sơ kết để rút kinh nghiệm, điều chỉnh, bổ sung chỉ tiêu, kế hoạch, nhiệm vụ và biện pháp thực hiện cho phù hợp nhằm đạt được mục tiêu thi đua đã đề ra.

b) Kết thúc phong trào thi đua phải tiến hành tổng kết, đánh giá kết quả, tác dụng thi đua, lựa chọn công khai khen thưởng những tập thể, cá nhân tiêu biểu, xuất sắc trong phong trào thi đua.

c) Tổ chức tuyên truyền phổ biến các sáng kiến, kinh nghiệm để học tập và nhân rộng các gương điển hình tiên tiến.

d) Hàng năm các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; UBND các huyện, thành phố; các khối thi đua trên địa bàn tỉnh chỉ đạo sơ kết, tổng kết công tác thi đua, khen thưởng và gửi báo cáo về Ban Thi đua Khen thưởng - Sở Nội vụ:

- Báo cáo sơ kết gửi trước ngày 30 tháng 6 hàng năm.

- Báo cáo tổng kết gửi trước ngày 30 tháng 12 hàng năm.

Điều 7. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong triển khai tổ chức phong trào thi đua

1. Chủ tịch UBND tỉnh (Chủ tịch Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh) chỉ đạo và phát động phong trào thi đua; quyết định khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu xuất sắc hoặc đề nghị Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch Nước khen thưởng.

2. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; Chủ tịch UBND các huyện, thành phố; các xã, phường, thị trấn; Giám đốc các doanh nghiệp do UBND tỉnh quyết định thành lập; thủ trưởng các đơn vị hành chính, sự nghiệp từ tỉnh đến cơ sở chủ trì tổ chức phát động phong trào thi đua; tổ chức tuyên truyền nhân rộng các điển hình tiên tiến, giữ vững và phát huy tác dụng của các điển hình trong hoạt động thực tiễn; chủ động phát hiện, lựa chọn các tập thể, cá nhân có thành tích tiêu biểu (là điển hình tiên tiến) trong phạm vi quản lý của mình để khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng theo qui định của pháp luật.

3. Mặt trận tổ quốc, các thành viên của Mặt trận tổ quốc và đoàn thể các cấp có trách nhiệm:

a) Tổ chức và phối hợp với cơ quan nhà nước để phát động, triển khai các phong trào thi đua, phổ biến kinh nghiệm, nhân rộng điển hình tiên tiến trên địa bàn tỉnh;

b) Tuyên truyền, động viên đoàn viên, hội viên, các tầng lớp nhân dân tích cực tham gia các phong trào thi đua góp phần phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng đời sống văn hóa, bảo vệ an ninh quốc phòng trên địa bàn.

c) Giám sát thực hiện pháp luật về thi đua, khen thưởng; phát hiện, đề xuất những điển hình tiên tiến trong các phong trào thi đua đề nghị thủ trưởng cơ quan cùng cấp khen thưởng; kịp thời phản ánh, đề xuất các giải pháp để thực hiện có hiệu quả quy định của pháp luật về thi đua, khen thưởng trên địa bàn tỉnh.

Điều 8. Trách nhiệm của cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng

1. Cơ quan chuyên trách công tác thi đua, khen thưởng các cấp căn cứ vào nhiệm vụ, chỉ tiêu cụ thể của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và 5 năm để tham mưu, đề xuất với UBND cùng cấp về chủ trương, nội dung, chương trình, kế hoạch, biện pháp thi đua; đặc biệt coi trọng công tác tuyên truyền, vận động các tầng lớp nhân dân tham gia phong trào thi đua; chủ động phối hợp với Mặt trận tổ quốc, các thành viên của Mặt trận tổ quốc và đoàn thể cùng cấp trong việc hướng dẫn, tổ chức các phong trào thi đua và kiểm tra việc thực hiện; tham mưu sơ kết, tổng kết các phong trào thi đua, nhân rộng các điển hình tiên tiến; đề xuất khen thưởng khách quan, trung thực, kịp thời và kiến nghị đổi mới công tác thi đua, khen thưởng.

2. Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ có trách nhiệm tham mưu, giúp Chủ tịch UBND tỉnh và Hội đồng Thi đua - Khen thưởng tỉnh về nội dung và tổ chức các phong trào thi đua trên địa bàn tỉnh.

Điều 9. Trách nhiệm của cơ quan truyền thông đại chúng

Các cơ quan truyền thông của tỉnh, huyện, xã có trách nhiệm thường xuyên tuyên truyền chủ trương của đảng, pháp luật của Nhà nước về công tác thi đua, khen thưởng; phổ biến, nêu gương các điển hình tiên tiến, gương người tốt, việc tốt; cổ động phong trào thi đua. Phát hiện các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong phong trào thi đua; đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về thi đua, khen thưởng.

Điều 10. Các danh hiệu thi đua

1. Danh hiệu thi đua đối với cá nhân gồm: "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"; "Chiến sĩ thi đua cơ sở"; "Lao động tiên tiến".

2. Danh hiệu thi đua đối với tập thể gồm: "Cờ thi đua của Ủy ban nhân dân tỉnh"; "Tập thể Lao động xuất sắc"; "Tập thể Lao động tiên tiến"; "Thôn văn hóa"; "Làng văn hóa", "Tổ dân phố văn hóa".

3. Danh hiệu thi đua đối với hộ gia đình là "Gia đình văn hoá".

4. Các danh hiệu, tiêu chuẩn thi đua đối với tập thể, cá nhân lực lượng vũ trang, dân quân tự vệ, bảo vệ dân phố, công an xã, thị trấn thực hiện theo hướng dẫn của Bộ Quốc phòng và Bộ Công an.

5. Các danh hiệu, tiêu chuẩn thi đua của tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị - xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, nghề nghiệp, thực hiện theo hướng dẫn của cơ quan Trung ương của tổ chức này.

Điều 11. Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh"

Danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt hai tiêu chuẩn sau:

1. Có thành tích tiêu biểu xuất sắc được lựa chọn trong số những cá nhân 03 lần liên tục đạt danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cơ sở";

2. Sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học để làm căn cứ xét tặng danh hiệu "Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh" phải được Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải

pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh xem xét, đánh giá mức độ ảnh hưởng, khả năng ứng dụng trong thực tiễn sản xuất, công tác và quyết định công nhận.

Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh; có trách nhiệm giúp Chủ tịch UBND tỉnh xem xét, công nhận và đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học.

Lưu ý: Tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” đối với các cơ quan, đơn vị:

- Các cơ quan, đơn vị bình xét lựa chọn cá nhân đủ tiêu chuẩn trình Chủ tịch UBND tỉnh tặng danh hiệu Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh; số lượng đề nghị không quá 1% trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại đơn vị.

- Đối với ngành Giáo dục và Đào tạo, ngành Y tế và ngành Nông nghiệp tỷ lệ đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” không quá 1% cá nhân trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại văn phòng sở; không quá 1% cá nhân trên tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động tại từng đơn vị trực thuộc.

Điều 12. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở”

1. Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được xét tặng hàng năm cho cá nhân đạt các tiêu chuẩn sau:

a) Đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”;

b) Có sáng kiến là giải pháp kỹ thuật, giải pháp quản lý, giải pháp tác nghiệp hoặc giải pháp ứng dụng tiến bộ kỹ thuật để tăng năng suất lao động, tăng hiệu quả công tác được cơ sở công nhận hoặc có đề tài nghiên cứu khoa học đã nghiệm thu được áp dụng hoặc mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được cơ quan, tổ chức, đơn vị công nhận.

Cá nhân được công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” được chọn trong số cá nhân đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến” số lượng, tỷ lệ như sau:

Đối với đơn vị có dưới 16 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: không quá 02 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

Đối với đơn vị có từ 16 đến 30 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: không quá 03 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

Đối với đơn vị có trên 30 đến dưới 100 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Tỷ lệ dưới 16% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

Đối với đơn vị có trên 100 cán bộ, công chức, viên chức, người lao động: Tỷ lệ dưới 11% tổng số cán bộ, công chức, viên chức, người lao động;

2. Hội đồng xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu; Hội đồng Khoa học cấp cơ sở:

- Do thủ trưởng cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền công nhận danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cơ sở” quyết định thành lập. Thành lập Hội đồng gồm có những thành viên có trình độ chuyên môn về lĩnh vực có liên quan đến nội dung sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học và các thành viên khác.

- Số lượng, thành phần do người đứng đầu cấp cơ sở quyết định thành lập: Đánh giá mức độ ảnh hưởng của sáng kiến, đề tài nghiên cứu khoa học trong công tác, trong lao động sản xuất và phạm vi, mức độ ảnh hưởng của sự mưu trí, sáng tạo trong chiến đấu, phục vụ chiến đấu giúp Chủ tịch Hội đồng Thi đua Khen thưởng cấp cơ sở có căn cứ xét, công nhận.

Điều 13. Danh hiệu “Lao động tiên tiến”

1. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng hàng năm cho cán bộ, công chức, viên chức đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đạt năng suất và chất lượng cao;
- Chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có tinh thần tự lực, tự cường; đoàn kết, tương trợ, tích cực tham gia phong trào thi đua;
- Tích cực học tập chính trị, văn hóa, chuyên môn, nghiệp vụ;
- Có đạo đức, lối sống lành mạnh.

2. Danh hiệu “Lao động tiên tiến” được xét tặng cho công nhân, nông dân, người lao động không thuộc đối tượng quy định tại Điểm a Mục 4 của Quy chế này, đạt các tiêu chuẩn sau:

- Lao động sản xuất có hiệu quả, tích cực tham gia phong trào thi đua và hoạt động xã hội;
- gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đạo đức, lối sống lành mạnh, đoàn kết, tương trợ giúp đỡ mọi người trong cộng đồng.

3. Cá nhân tham gia chiến đấu, phục vụ chiến đấu hoặc có hành động dũng cảm cứu người, cứu tài sản dẫn đến bị thương tích cần điều trị, điều dưỡng theo kết luận của cơ sở y tế thì thời gian điều trị, điều dưỡng được tính để xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

4. Cá nhân được tham gia đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn dưới 01 năm, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng thì thời gian học tập được tính vào thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị để được bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

Trường hợp cá nhân được cử tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ 01 năm trở lên, chấp hành tốt quy định của cơ sở đào tạo, bồi dưỡng; có kết quả học tập từ loại khá trở lên thì được xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

5. Thời gian nghỉ thai sản theo quy định được tính để bình xét danh hiệu “Lao động tiên tiến”.

6. Đối với cá nhân chuyển công tác, cơ quan, tổ chức, đơn vị mới có trách nhiệm xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” (trường hợp có thời gian công tác ở cơ quan cũ từ 06 tháng trở lên phải có ý kiến nhận xét của cơ quan cũ).

Trường hợp được điều động, biệt phái đến cơ quan, đơn vị khác trong một thời gian nhất định thì việc xem xét, bình bầu danh hiệu “Lao động tiên tiến” do cơ quan, đơn vị điều động, biệt phái xem xét, quyết định (có ý kiến nhận xét của cơ quan, đơn vị tiếp nhận cá nhân được điều động, biệt phái).

7. Không xét tặng danh hiệu “Lao động tiên tiến” đối với một trong các trường hợp sau: Mới tuyển dụng dưới 10 tháng, nghỉ từ 40 ngày làm việc trở lên, bị kỷ luật từ hình thức khiển trách trở lên.

Điều 14. Danh hiệu "Cờ thi đua của UBND tỉnh"

"Cờ thi đua của UBND tỉnh" được xét tặng hàng năm cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

1. Hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu thi đua và nhiệm vụ được giao trong năm; là tập thể tiêu biểu xuất sắc của tỉnh.
2. Có nhân tố mới, mô hình mới thực sự tiêu biểu để các tập thể khác trong tỉnh học tập.
3. Nội bộ đoàn kết, tổ chức Đảng trong sạch vững mạnh; chính quyền đạt vững mạnh tiêu biểu; tích cực thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, tham nhũng và các tệ nạn xã hội khác.

4. Được bình xét suy tôn là đơn vị xuất sắc tiêu biểu nhất của Khối thi đua (Theo Quy chế thưởng Cờ thi đua của UBND tỉnh).

Điều 15. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”

Được xét mỗi năm một lần vào dịp tổng kết năm.

1. Danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến” được xét tặng cho tập thể đạt các tiêu chuẩn sau:

- Hoàn thành tốt nhiệm vụ và kế hoạch được giao;
- Có phong trào thi đua thường xuyên, thiết thực, có hiệu quả;
- Có trên 50% cá nhân trong tập thể đạt danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Chiến sỹ tiên tiến”;
- Nội bộ đoàn kết, chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; quy chế hoạt động của cơ quan.

2. Danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”: Là tập thể tiêu biểu, được lựa chọn trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”, “Đơn vị Tiên tiến” đạt tiêu chuẩn quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều 27 Luật Thi đua Khen thưởng năm 2003.

“Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng” phải có cá nhân đạt danh hiệu “Chiến sỹ thi đua cơ sở” và không có cá nhân bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên hoặc hình thức “chuyển làm công việc khác có mức lương thấp hơn trong thời hạn từ 6 tháng” trở lên (nếu là đối tượng thuộc phạm vi điều chỉnh của Bộ Luật Lao động).

3. Số lượng, tỷ lệ

- Đối với cơ quan, đơn vị dưới 10 phòng, ban và đơn vị trực thuộc được xem xét 01 tập thể trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

- Đối với cơ quan, đơn vị có trên 10 phòng, ban và đơn vị trực thuộc được xem xét tối đa 02 tập thể trong số các tập thể đạt danh hiệu “Tập thể Lao động tiên tiến”.

Lưu ý: Đối tượng xét tặng danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc”

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh gồm: Doanh nghiệp, hợp tác xã... (trừ các tập đoàn kinh tế, tổng công ty) và các đơn vị trực thuộc như xí nghiệp, phòng, phân xưởng.

Đối với cấp tỉnh gồm: Phòng, ban và tương đương thuộc sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh và tương đương;

Đối với cấp huyện gồm: Phòng, ban và tương đương; các đơn vị trực thuộc cấp huyện, UBND các xã, phường, thị trấn;

Đối với đơn vị sự nghiệp gồm: Trường học, bệnh viện và tương đương; các đơn vị trực thuộc như khoa, phòng.

Điều 16. Danh hiệu “Gia đình văn hóa”, “Thôn, làng, tổ dân phố văn hóa” và tương đương được xét tặng hàng năm cho các đối tượng đạt tiêu chuẩn tại Điều 29, 30 Luật Thi đua Khen thưởng năm 2003. Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức bình xét, tặng danh hiệu “Gia đình văn hóa” và lựa chọn những gia đình tiêu biểu trong số các gia đình đạt danh hiệu “Gia đình văn hóa” để thưởng tiền theo quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 71 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP của Chính phủ.

Chương III

HÌNH THỨC, ĐỐI TƯỢNG VÀ TIÊU CHUẨN KHEN THƯỞNG

Điều 17. Các loại hình khen thưởng

1. Khen thưởng theo công trạng và thành tích đạt được là hình thức khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc trong thực hiện nhiệm vụ xây dựng và bảo vệ tổ quốc.

2. Khen thưởng theo chuyên đề (hoặc theo đợt) là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đạt được thành tích xuất sắc sau khi kết thúc đợt thi đua do Chủ tịch nước, Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch UBND các cấp, thủ trưởng các cơ quan, tổ chức, đơn vị phát động;

3. Khen thưởng đột xuất là khen thưởng cho tập thể, cá nhân đã đạt được thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất, chiến đấu, phục vụ chiến đấu; dũng cảm cứu người, tài sản của nhân dân hoặc của Nhà nước (thành tích lập được trong hoàn cảnh không được dự báo trước, diễn ra ngoài dự kiến kế hoạch công việc mà tập thể, cá nhân đảm nhận);

4. Khen thưởng quá trình cống hiến là khen thưởng cho cá nhân có quá trình tham gia trong các giai đoạn cách mạng (giữ chức vụ lãnh đạo quản lý trong các cơ quan nhà nước, các đơn vị sự nghiệp, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị-xã hội), có công lao, thành tích xuất sắc đóng góp vào sự nghiệp cách mạng của Đảng và của dân tộc.

5. Khen thưởng theo niên hạn là khen thưởng cho cá nhân thuộc lực lượng Quân đội nhân dân và Công an nhân dân có thành tích, có thời gian tham gia xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân.

6. Khen thưởng đối ngoại là khen thưởng cho tập thể, cá nhân người nước ngoài đã có thành tích trên các lĩnh vực, có đóng góp vào công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam.

Điều 18. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh

1. Đối với cá nhân:

a) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho cá nhân gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua do các bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể Trung ương phát động hàng năm.

- Lập được nhiều thành tích có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, tỉnh, đoàn thể trực thuộc Trung ương.

- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, trong thời gian đó có 02 sáng kiến được công nhận và áp dụng hiệu quả trong phạm vi cấp cơ sở.

- Có thành tích xuất sắc tiêu biểu được bình xét trong các phong trào thi đua của các sở, ban, ngành, đoàn thể cấp tỉnh; UBND các huyện, thành phố phát động khi tiến hành sơ kết, tổng kết 03 năm trở lên.

b) Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho công nhân, nông dân, người lao động gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Lập được nhiều thành tích hoặc thành tích đột xuất trong lao động, sản xuất có phạm vi ảnh hưởng trong cấp xã, cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

- Công nhân có sáng kiến trong lao động, sản xuất mang lại lợi ích cho doanh nghiệp và có đóng góp trong việc đào tạo, bồi dưỡng, giúp đỡ đồng nghiệp để nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề;

- Nông dân có mô hình sản xuất hiệu quả và ổn định từ 02 năm trở lên, giúp đỡ hộ nông dân xóa đói giảm nghèo và tạo việc làm ổn định cho 05 lao động trở lên.

2. Đối với tập thể:

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; nội bộ đoàn kết, đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích xuất sắc được bình xét trong các phong trào thi đua;
- Lập được thành tích xuất sắc đột xuất có phạm vi ảnh hưởng trong từng lĩnh vực thuộc bộ, ngành, đoàn thể trung ương; tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.
- 02 năm liên tục hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, nội bộ đoàn kết, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, tổ chức tốt các phong trào thi đua; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần trong tập thể; thực hành tiết kiệm; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách đối với mọi thành viên trong tập thể.

3. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho tập thể thuộc Khối thi đua trên địa bàn tỉnh có số điểm liền kề với đơn vị được Khối suy tôn, bình bầu tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh (theo Quy chế hoạt động của Khối thi đua trên địa bàn tỉnh).

4. Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành tốt chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho địa phương, xã hội có giá trị từ 100 triệu đồng trở lên.

5. Khen thưởng về ưu đãi tài năng: (Thực hiện theo quy định hiện hành của UBND tỉnh về khuyến khích ưu đãi tài năng).

6. Khen thưởng đối ngoại: (Thực hiện theo điểm d khoản 2.10, Quyết định 1967/QĐ-UBND ngày 18/11/2011).

Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh được tặng thưởng cho tập thể, cá nhân có đóng góp cho sự nghiệp phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh của tỉnh.

Điều 19. Giấy khen

1. Giấy khen gồm:

- Giấy khen của Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã;
- Giấy khen của thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc UBND tỉnh;
- Giấy khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;
- Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã.

(Tỷ lệ khen thưởng do Thủ trưởng các đơn vị có thẩm quyền tặng giấy khen quy định).

2. Giấy khen để tặng cho cá nhân đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;
- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ, nghĩa vụ công dân; có phẩm chất đạo đức tốt; đoàn kết, gương mẫu, chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước.

3. Giấy khen để tặng cho tập thể đạt một trong các tiêu chuẩn sau:

- Có thành tích được bình xét trong phong trào thi đua;

- Lập được thành tích đột xuất;
- Hoàn thành tốt nhiệm vụ; nội bộ đoàn kết, gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

4. Giấy khen để tặng cho gia đình:

- Giấy khen của thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc UBND tỉnh, Chủ tịch UBND cấp huyện để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xã hội.

- Giấy khen của Chủ tịch UBND cấp xã để tặng cho gia đình gương mẫu chấp hành chủ trương, chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước; có đóng góp về công sức, đất đai và tài sản cho xã hội.

- Thủ trưởng cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào tình hình thực tế quy định mức đóng góp của gia đình để khen thưởng.

5. Việc tặng thưởng Giấy khen được tiến hành thường xuyên, kịp thời ngay sau khi kết thúc đợt thi đua ngắn ngày, đợt thi đua theo chuyên đề, hoặc hoàn thành một hạng mục công trình và do thủ trưởng cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp xem xét, quyết định tặng thưởng giấy khen.

Chương IV

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH, TRAO TẶNG, THỦ TỤC, HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Mục 1

THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH VÀ TRAO TẶNG

Điều 20. Thẩm quyền

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định tặng bằng khen, cờ thi đua, danh hiệu "Tập thể Lao động xuất sắc", "Chiến sỹ thi đua cấp tỉnh".

2. Thủ trưởng cơ quan chuyên môn và tương đương thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể lao động tiên tiến" và giấy khen.

3. Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, Giám đốc doanh nghiệp, hợp tác xã quyết định tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở", "Lao động tiên tiến", "Tập thể Lao động tiên tiến" và giấy khen.

4. Đối với cán bộ, công chức, công nhân, nông dân, người lao động thuộc quản lý của cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã xét tặng danh hiệu "Lao động tiên tiến" và đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện xét tặng danh hiệu "Chiến sỹ thi đua cơ sở".

- Hàng năm các đơn vị cơ sở rà soát số tập thể, cá nhân đạt danh hiệu thi đua liên tục nhiều năm để lựa chọn những tập thể, cá nhân tiêu biểu trình Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp đề nghị khen thưởng theo quy định của Luật Thi đua khen

thưởng. Cơ quan thi đua tổng hợp trình Hội đồng thi đua khen thưởng cùng cấp xét khen thưởng thường xuyên hàng năm theo tuyến quy định.

- Danh hiệu thi đua được bình xét và đề nghị từ đơn vị cơ sở thuộc cơ quan, đơn vị, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động hoặc người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm xét tặng danh hiệu thi đua hoặc trình cấp trên xét tặng danh hiệu thi đua, khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

- Người đứng đầu cấp có thẩm quyền chịu trách nhiệm về quyết định khen thưởng của cấp mình và việc trình cấp trên khen thưởng; có trách nhiệm phát hiện, xây dựng điển hình tiên tiến là công nhân, nông dân, người lao động ở các thành phần kinh tế để khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

- Cơ quan chức năng về thi đua, khen thưởng tiếp nhận, xem xét, thẩm định hồ sơ và trình cấp có thẩm quyền quyết định việc khen thưởng.

Điều 21. Trao tặng

Người có thẩm quyền quyết định tặng hình thức khen thưởng thì trực tiếp trao tặng hoặc uỷ quyền trao tặng hình thức khen thưởng.

Mục 2

THỦ TỤC HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ KHEN THƯỞNG

Điều 22. Quy định chung về thủ tục trình khen thưởng

1. Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và quỹ lương có trách nhiệm khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng đối với các đối tượng thuộc phạm vi quản lý.

2. Cấp chủ trì phát động thi đua theo đợt, theo chuyên đề có thẩm quyền khen thưởng các tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

3. Ngoài các trường hợp khen thưởng nêu tại Điểm 1 và 2 của Điều này, các sở, ban, ngành, đoàn thể; UBND cấp huyện, các cơ quan, đơn vị phát động thi đua theo chuyên đề, thi đua theo đợt được khen thưởng theo thẩm quyền; trường hợp thành tích đặc biệt xuất sắc, tiêu biểu có phạm vi ảnh hưởng rộng thì đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh xét tặng Bằng khen.

4. Ban Thường vụ Tỉnh ủy xem xét, cho ý kiến trước khi trình Thủ tướng Chính phủ:

- Khen thưởng cho các trường hợp cán bộ thuộc diện cấp ủy Đảng quản lý;
- Các hình thức khen thưởng Nhà nước tặng thưởng: “Huân chương Sao vàng”, “Huân chương Hồ Chí Minh”, “Huân chương Độc lập”, Chiến sĩ thi đua toàn quốc”, danh hiệu “Anh hùng Lao động”, “Anh hùng lực lượng vũ trang nhân dân”.

- Các hình thức khen thưởng khác thực hiện theo quy định tại các văn bản có liên quan.

5. Việc khen thưởng đại biểu Quốc hội chuyên trách ở địa phương và đại biểu Hội đồng nhân dân chuyên trách, tập thể Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, do Văn phòng Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh tổng hợp hồ sơ, thủ tục trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

6. Tập thể, cá nhân làm chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thực hiện theo nguyên tắc: Cấp quản lý về tổ chức, cán bộ và quỹ lương có trách nhiệm xét khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc tỉnh, có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp tỉnh khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

7. Đối với tổ chức công đoàn: Ủy ban nhân dân cấp tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn lao động cấp huyện, công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

8. Đối với các hội ở địa phương: Các hội là tổ chức xã hội - nghề nghiệp, tổ chức nghề nghiệp trên địa bàn tỉnh do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

9. Đối với các tổ chức kinh tế, cấp quyết định thành lập trình khen thưởng.

10. Các doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài có trụ sở đóng trên địa bàn tỉnh, do Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng (trừ những đơn vị là thành viên thuộc các tập đoàn kinh tế và Tổng công ty nhà nước do Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập).

11. Đối với các khu công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh, do Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc trình cấp trên khen thưởng.

12. Đối với tập thể, cá nhân trong khu công nghiệp đóng trên địa bàn tỉnh thực hiện như sau:

Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp, quyết định tặng thưởng danh hiệu “Lao động tiên tiến”, “Tập thể lao động tiên tiến”, “Chiến sĩ thi đua cơ sở” và Giấy khen của Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp. Trình cơ sở đề nghị của Trưởng Ban quản lý khu công nghiệp. Chủ tịch UBND tỉnh quyết định xét tặng danh hiệu: “Tập thể lao động xuất sắc”, “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh”, “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” và trình Thủ tướng Chính phủ, Chủ tịch nước khen thưởng theo quy định.

13. Các cơ quan ngành dọc trung ương đóng trên địa bàn tỉnh đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen cho tập thể, cá nhân tiêu biểu xuất sắc.

14. Quy trình, hồ sơ, thủ tục, điều kiện tiêu chuẩn khen đối ngoại thực hiện theo quy định hiện hành của Đảng, Nhà nước.

15. Những cán bộ đã nghỉ hưu, nay đơn vị đã giải thể hoặc sáp nhập thì đơn vị tiếp nhận nhiệm vụ của cơ quan đó có trách nhiệm xem xét, đề nghị; cá nhân đã nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) hồ sơ đề nghị khen thưởng do cơ quan quản lý cán bộ trước khi nghỉ hưu (hoặc hy sinh, tử trận) xem xét, hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền theo quy định.

Điều 23. Hồ sơ xét tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” gồm:

1. Tờ trình đề nghị tặng danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” của cấp trình khen;
2. Báo cáo thành tích của cá nhân đề nghị tặng danh hiệu có xác nhận của cấp trình khen;
3. Quyết định công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu của Chủ tịch Hội đồng Xét duyệt công nhận sáng kiến, giải pháp công tác, đề tài nghiên cứu cấp tỉnh hoặc Hội đồng Khoa học cấp bộ, ngành trung ương công nhận.
4. Biên bản và kết quả bỏ phiếu kín của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen phải có số phiếu đồng ý của các thành viên Hội đồng từ 90% trở lên;
5. Đối với cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách, nộp kèm theo văn bản xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách của cơ quan thuế có thẩm quyền.
6. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, khi trình xét tặng danh hiệu thi đua cho thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:
 - + Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;
 - + Tỷ lệ % về số nộp ngân sách nhà nước so với năm trước;
 - + Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.
7. Quyết định đã được khen thưởng hoặc các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được nhận (*sao y bản chính*) để chứng minh tính liên tục trong hồ sơ khen thưởng.
8. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 24. Hồ sơ xét tặng “Cờ thi đua của UBND tỉnh”, “Tập thể Lao động xuất sắc”, “Đơn vị Quyết thắng”, “Bằng khen của Chủ tịch UBND tỉnh” gồm:

1. Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.
2. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân được đề nghị khen thưởng có xác nhận của cấp trình khen.
3. Biên bản của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng cấp trình khen.
4. Đối với cá nhân có nghĩa vụ nộp ngân sách, nộp kèm theo văn bản xác nhận đã hoàn thành nghĩa vụ nộp ngân sách của cơ quan thuế có thẩm quyền.
5. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách cho Nhà nước, khi trình xét tặng danh hiệu thi đua cho đơn vị và Thủ trưởng đơn vị, phải có xác nhận của cơ quan tài chính về những nội dung sau:
 - + Xác nhận số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;

- + Tỷ lệ % về số nộp ngân sách Nhà nước so với năm trước;
- + Đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

6. Các quyết định đã được khen thưởng hoặc các danh hiệu, hình thức khen thưởng đã được nhận (*sao y bản chính*) để chứng minh tính liên tục trong hồ sơ khen thưởng.

7. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

(Riêng với hồ sơ xét tặng Cờ thi đua của UBND tỉnh phải có phiếu bầu của các thành viên Hội đồng Thi đua Khen thưởng của đơn vị trình khen).

Điều 25. Hồ sơ, thủ tục đơn giản

1. Những trường hợp có đủ các điều kiện sau đây được đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản:

- a) Việc khen thưởng phục vụ yêu cầu chính trị, kịp thời động viên, khích lệ quần chúng;
- b) Cá nhân, tập thể lập thành tích xuất sắc đột xuất trong chiến đấu, công tác, lao động, học tập;

c) Thành tích, công trạng rõ ràng.

2. Việc khen thưởng theo thủ tục đơn giản do Chính phủ quy định.

3. Hồ sơ đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản, gồm có:

a) Tờ trình đề nghị của cấp trình khen.

b) Tóm tắt thành tích của cơ quan, đơn vị quản lý trực tiếp ghi rõ hành động, thành tích, công trạng để đề nghị khen thưởng theo thủ tục đơn giản; nếu đề nghị tặng Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ (05 bản).

c) Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 26. Hồ sơ đề nghị khen thưởng đối với tập thể, cá nhân (nông dân, công nhân) có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong lao động sản xuất, công tác do người đứng đầu cơ quan, tổ chức, đơn vị phát hiện để khen thưởng, gồm:

1. Tờ trình kèm theo danh sách đề nghị khen thưởng;

2. Báo cáo tóm tắt thành tích do cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị thực hiện.

3. Số lượng hồ sơ: 02 bộ.

Điều 27. Báo cáo thành tích đề nghị khen thưởng

1. Tập thể, cá nhân trình khen kèm báo cáo thành tích theo tiêu chuẩn; hồ sơ đề nghị khen thưởng phải phù hợp với hình thức khen thưởng. Báo cáo thành tích phải có đủ căn cứ để đối chiếu với các tiêu chuẩn.

2. Nội dung báo cáo thành tích của các tập thể, cá nhân đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Cờ thi đua xuất sắc, Bằng khen, danh hiệu “Tập thể Lao động xuất sắc” và “Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh” thực hiện theo các mẫu số 01, 02 của Nghị định số 39/2012/NĐ-CP ngày 27/4/2012 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 42/2010/NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng và Luật sửa đổi một số điều của Luật Thi đua, Khen thưởng. ✓

3. Báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân đề nghị tặng các danh hiệu, hình thức khen thưởng cấp tỉnh phải có xác nhận của thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương đề nghị khen thưởng; thủ trưởng các cơ quan, đơn vị, địa phương chịu trách nhiệm về thủ tục hồ sơ và nội dung báo cáo thành tích của tập thể, cá nhân thuộc đối tượng quản lý khi trình khen thưởng cấp tỉnh.

4. Đối với những đơn vị có nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước, khi trình các hình thức khen thưởng: Cờ thi đua, Bằng khen, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Tập thể lao động xuất sắc cho tập thể hoặc cá nhân là thủ trưởng đơn vị, trong báo cáo thành tích phải kê khai rõ các nội dung sau:

- a) Số tiền thuế và các khoản thu khác thực tế đã nộp trong năm so với đăng ký;
- b) Tỷ lệ % về số nộp ngân sách Nhà nước so với năm trước;
- c) Cam kết đã nộp đủ, đúng các loại thuế, các khoản thu khác theo quy định của pháp luật và nộp đúng thời hạn.

Điều 28. Phân cấp, trách nhiệm xét duyệt khen thưởng

1. Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh, Sở Nội vụ:

- Thẩm định hồ sơ, thành tích của các đối tượng được đề nghị khen thưởng: Cờ thi đua của UBND tỉnh, Tập thể Lao động xuất sắc, Đơn vị Quyết thắng, Chiến sĩ thi đua cấp tỉnh, Bằng khen của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tổng hợp trình UBND tỉnh.

- Thẩm định thành tích khen chuyên đề, khen đột xuất tổng hợp trình UBND tỉnh.

2. Hội đồng Thi đua Khen thưởng tỉnh:

a) Thẩm định hồ sơ, thành tích của cá tập thể, cá nhân làm căn cứ đề nghị UBND tỉnh xét, trình các cấp có thẩm quyền xét tặng Cờ thi đua của Chính phủ, Bằng khen của Thủ tướng Chính phủ; Huân chương Lao động; danh hiệu vinh dự Nhà nước; giải thưởng Hồ Chí Minh; giải thưởng Nhà nước.

b) Căn cứ báo cáo kết quả tổng hợp, thẩm định và văn bản đề xuất của Sở Nội vụ (Ban Thi đua Khen thưởng tỉnh), xem xét, đề nghị UBND tỉnh xét tặng thưởng Cờ thi đua, Bằng khen cho các tập thể xuất sắc tiêu biểu được các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh, UBND các huyện, thành phố, các khối thi đua của tỉnh suy tôn hàng năm.

4. Hội đồng Thi đua - Khen thưởng các cấp, các ngành, cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp do thủ trưởng đơn vị quyết định thành lập.

- Chịu sự chỉ đạo, hướng dẫn về chuyên môn của Hội đồng Thi đua, Khen thưởng cấp trên trực tiếp;

- Thực hiện các chức năng, nhiệm vụ tương tự như Hội đồng Thi đua, Khen thưởng tỉnh trong phạm vi quản lý của cấp mình, ngành mình.

- Cơ cấu của Hội đồng Thi đua - Khen thưởng: Căn cứ tình hình thực tiễn, thủ trưởng cơ quan, đơn vị quy định số lượng thành viên Hội đồng, gồm có:

+ Chủ tịch Hội đồng: Là thủ trưởng cơ quan, đơn vị;

+ Phó Chủ tịch Hội đồng: Là đại diện lãnh đạo cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng, đại diện lãnh đạo Mặt trận tổ quốc, tổ chức công đoàn.

+ Các thành viên của Hội đồng: đại diện tổ chức đảng, đoàn thể, một số lĩnh vực chuyên môn cần thiết của cơ quan, đơn vị.

Chương V

TUYÊN TRÌNH VÀ THỜI HẠN TRÌNH KHEN

Điều 29. Tuyên trình khen thưởng

Thực hiện theo quy định tại Khoản 8,9,10,11 Điều 53 Nghị định số 42/2010/NĐ-CP và theo quy định sau:

1. Việc đề nghị các hình thức khen thưởng đối với tổ chức và cá nhân làm công tác đảng, đoàn thể:

a) Tập thể, cá nhân chuyên trách công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp tỉnh có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng.

b) Tập thể chuyên trách làm công tác đảng, đoàn thể thuộc cấp huyện có đủ tiêu chuẩn khen thưởng theo quy định thì cơ quan đảng, đoàn thể trực tiếp quản lý xét, đề nghị Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định khen thưởng hoặc Chủ tịch UBND cấp huyện trình Chủ tịch UBND tỉnh khen thưởng hoặc đề nghị cấp trên khen thưởng.

2. Đối với tổ chức công đoàn:

Ủy ban nhân dân tỉnh khen thưởng và trình cấp trên khen thưởng cho các đối tượng sau: Liên đoàn Lao động cấp huyện, công đoàn ngành cấp tỉnh, công đoàn viên chức cấp tỉnh; công đoàn khu công nghiệp; công đoàn tổng công ty và tương đương; công đoàn cơ sở và cán bộ công đoàn chuyên trách hưởng lương từ ngân sách công đoàn thuộc các đơn vị nêu trên.

Điều 30. Thời hạn trình khen

1. Khen về lĩnh vực kinh tế - xã hội kết thúc trước ngày 31/01 hàng năm;

2. Khen theo chuyên đề và các hình thức khen thưởng đặc thù khác sau khi kết thúc đợt thi đua chuyên đề hoặc có thành tích đề nghị khen thưởng;

3. Riêng khen thưởng ngành Giáo dục và Đào tạo nhận hồ sơ đề nghị khen thưởng trước ngày 30/6 hàng năm.

Lưu ý:

- Trong một năm, tập thể và cá nhân có nhiều thành tích khác nhau nhưng chỉ được chọn để đề nghị khen thưởng đối với thành tích cao nhất.

- Các tập thể, cá nhân chỉ đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen 01 lần trong một năm đối với khen thưởng thường xuyên, khen thưởng theo đợt, chuyên đề (trừ khen thưởng đợt xuất).

- Thời gian nộp hồ sơ về Sở Nội vụ (Ban Thi đua- Khen thưởng tỉnh) trước 10 ngày so với thời gian dự kiến trao thưởng khi đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh tặng Bằng khen (trường hợp đặc biệt tặng Cờ Thi đua phải có ý kiến chỉ đạo của Chủ tịch UBND tỉnh).

Chương VI

SỬ DỤNG QUỸ THI ĐUA KHEN THƯỞNG

Điều 31. Nguồn hình thành, mức trích và sử dụng quỹ thi đua, khen thưởng:

1. Mức tiền thưởng kèm theo danh hiệu thi đua, hình thức khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73, 74, 75 và 76 của Nghị định số 42/2010/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ. Cụ thể:

a) Trong cùng một thời điểm, cùng một thành tích một đối tượng nếu đạt nhiều danh hiệu thi đua kèm theo mức tiền thưởng khác nhau, thì chỉ nhận mức tiền thưởng cao nhất.

b) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng đạt nhiều danh hiệu thi đua, thời gian để đạt được các danh hiệu đó khác nhau thì được nhận tiền thưởng của các danh hiệu thi đua khác nhau.

c) Trong cùng một thời điểm, một đối tượng vừa đạt danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng thì được nhận tiền thưởng của danh hiệu thi đua và hình thức khen thưởng.

2. Nguồn, mức trích quỹ; sử dụng và quản lý quỹ thi đua khen thưởng thực hiện theo quy định tại các Điều 67, 68, 69 của Nghị định 42/2010/ NĐ-CP ngày 15/4/2010 của Chính phủ.

Chương VII

XỬ LÝ VI PHẠM, GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA KHEN THƯỞNG; HỦY QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Mục 1

XỬ LÝ VI PHẠM; GIẢI QUYẾT KHIẾU NẠI, TỐ CÁO VỀ THI ĐUA, KHEN THƯỞNG

Điều 32. Hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về khen thưởng

Tập thể, cá nhân vi phạm các quy định về khen thưởng thì theo mức độ sai phạm bị xử lý về hành chính, hủy quyết định khen thưởng, thu hồi hiện vật khen thưởng và chế độ được hưởng hoặc truy cứu trách nhiệm, bao gồm:

1. Vi phạm các Khoản 3, 4 Điều 14 của Luật Thi đua Khen thưởng 2013;
2. Cố tình che dấu hành vi vi phạm chủ trương, đường lối, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước để đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng;
3. Dùng tiền, các lợi ích vật chất khác nhằm mua chuộc người, cơ quan có thẩm quyền khen thưởng để được khen thưởng;
4. Lợi dụng chức vụ, quyền hạn để can thiệp trái pháp luật vào công tác khen thưởng.

Điều 33. Hình thức xử lý đối với cá nhân, tập thể có hành vi vi phạm các quy định về khen thưởng

1. Hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận;
2. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người vi phạm bị xử lý kỷ luật, xử phạt hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo qui định của pháp luật;
3. Tùy theo tính chất, mức độ của hành vi vi phạm, người đứng đầu tập thể có hành vi vi phạm Khoản 1 Điều này bị xử lý kỷ luật hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự theo qui định của pháp luật, nếu gây thiệt hại thì phải bồi thường theo qui định của pháp luật;
4. Cơ quan có thẩm quyền công bố trên phương tiện thông tin đại chúng về hành vi vi phạm và hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm pháp luật của cá nhân, tập thể qui định tại các điểm a, b và c Khoản này.

Điều 34. Khiếu nại, tố cáo và giải quyết khiếu nại tố cáo về thi đua, khen thưởng

Thực hiện theo qui định tại Điều 82 và 83 của Nghị định 42/2010/NĐ-CP.

Mục 2

HỦY QUYẾT ĐỊNH KHEN THƯỞNG VÀ THU HỒI HIỆN VẬT KHEN THƯỞNG

Điều 35. Hồ sơ, thủ tục, hủy bỏ Quyết định khen thưởng.

1. Cá nhân gian dối trong việc kê khai thành tích đề nghị khen thưởng sẽ bị hủy bỏ quyết định khen thưởng và thu hồi hiện vật, tiền thưởng đã nhận.
2. Căn cứ vào kết luận của cơ quan có thẩm quyền về việc cá nhân kê khai gian dối thành tích để được khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm đề nghị cấp có thẩm quyền khen thưởng ban hành quyết định hủy bỏ.
3. Hồ sơ đề nghị hủy bỏ quyết định gồm:
 - Tờ trình của cơ quan trực tiếp trình khen thưởng;
 - Báo cáo tóm tắt lý do trình cấp có thẩm quyền hủy bỏ quyết định khen thưởng.
4. Sau khi có quyết định hủy bỏ hình thức khen thưởng, cơ quan trình khen thưởng có trách nhiệm thu hồi hiện vật khen thưởng giao nộp về cơ quan làm công tác thi đua, khen thưởng cùng cấp; số tiền thưởng thu nộp vào Quỹ thi đua, khen thưởng.

Chương VIII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 36. Giao Ban Thi đua Khen thưởng - Sở Nội vụ (cơ quan Thường trực của Hội đồng Thi đua - khen thưởng tỉnh) có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các cấp, các ngành, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện. ✓

Điều 37. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh; Chủ tịch UBND cấp huyện; người đứng đầu các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quy định này.

Quá trình thực hiện nếu có phát sinh vướng mắc hoặc chưa phù hợp, các ngành, địa phương, đơn vị kịp thời phản ánh về Ban Thi đua Khen thưởng, Sở Nội vụ để tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH
CHỦ TỊCH**



Đoàn Thế Cường

100

1000000